

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Định nghĩa	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3. Mục tiêu của Công ty.....	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập.....	7
Điều 6. Sổ chứng nhận Cổ đông.....	8
Điều 7. Sổ đăng ký Cổ đông.....	9
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	10
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	11
Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	11
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	11
Điều 10. Quyền hạn của Cổ đông Công ty	11
Điều 11. Nghĩa vụ của các Cổ đông	13
Điều 12. Đại hội đồng Cổ đông.....	14
Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông.....	15
Điều 14. Các đại diện được ủy quyền.....	17
Điều 15. Thay đổi các quyền.....	18
Điều 16. Triệu tập Đại hội Cổ đông, chương trình họp và thông báo	19
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông và lập biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông	20
17.A) Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	20

17.B) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	23
17.C) Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 18. Phê chuẩn các nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản	25
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
Điều 19. Thành phần và nhiệm kỳ.....	27
Điều 20. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	29
Điều 21. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	32
Điều 22. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	33
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	37
Điều 23. Tổ chức bộ máy quản lý.....	37
Điều 24. Cán bộ quản lý.....	37
Điều 25. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	38
Điều 26. Thư ký Công ty.....	40
CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ	40
Điều 27. Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Cán bộ quản lý	40
Điều 28. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	40
Điều 29. Trách nhiệm và bồi thường	42
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT	42
Điều 30. Ban kiểm soát	42
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY ..	46
Điều 31. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	46
CHƯƠNG XII. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN	46
Điều 32. Đối tượng và nội dung công khai các lợi ích liên quan.....	46
CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	47
Điều 33. Công nhân viên và công đoàn	47
CHƯƠNG XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	47

Điều 34. Cổ tức	47
CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	49
Điều 35. Tài khoản ngân hàng	49
Điều 36. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	50
Điều 37. Năm tài khóa.....	50
Điều 38. Hệ thống Kế toán	50
CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	51
Điều 39. Báo cáo hàng năm, sáu (6) tháng và hàng quý	51
Điều 40. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	51
CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY	51
Điều 41. Kiểm toán	51
CHƯƠNG XVIII. CON DẤU.....	52
Điều 42. Con dấu	52
CHƯƠNG XIX CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	52
Điều 43. Chấm dứt hoạt động	52
Điều 44. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và Cổ đông	53
Điều 45. Thanh lý.....	53
CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	54
Điều 46. Giải quyết tranh chấp nội bộ	54
CHƯƠNG XXI. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	55
Điều 47. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	55
CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC	55
Điều 48. Ngày hiệu lực.....	55
Điều 49. Chữ ký của các Thành viên HĐQT và con dấu của Công ty	56
PHỤ LỤC - DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	57

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần Xây dựng 47 (dưới đây gọi là "Công ty"). Công ty là một công ty cổ phần được chuyển đổi sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 4411/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 được tổ chức vào ngày 23/05/2010.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

- a. "Hội đồng quản trị" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.
- b. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
- c. "Vốn điều lệ" có nghĩa là vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.
- d. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- e. "Ngày Thành lập" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- f. "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- g. "Cán bộ quản lý" có nghĩa là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và các cán bộ khác được Hội đồng quản trị chỉ định làm Cán bộ quản lý của Công ty.
- h. "Người liên quan" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
- i. "Cổ đông" là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
- j. "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.



2. Trong Điều lệ này, tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
3. Các tiêu đề được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Khi được sử dụng trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh, từ “người” được hiểu là cá nhân và/hoặc tổ chức.
5. Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Điều lệ này, các từ hoặc thuật ngữ được dùng trong Điều lệ này sẽ có nghĩa như được quy định trong Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên của Công ty

- Tiếng Việt Nam : **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**
- Tiếng Anh : **CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY 47**
- Tên viết tắt : **CC47**

2. Công ty là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ: 08 Biên Cương, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: (84) 56 522166- 522931

Fax: (84) 56 522316

E-mail: ctyxaydung47@dng.vnn.vn;

Website : www.xaydung47.vn

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại Địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Pháp luật cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 43 và Điều 44 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày Thành lập và vô thời hạn.



CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng. Khai thác, vận chuyển vật liệu xây dựng. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu. Đại tu xe, máy thi công. Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, bia, thuốc lá, dịch vụ massage. Đại lý rượu, bia, nước giải khát. Đại lý dịch vụ Internet. Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác. Đại lý thu đổi ngoại tệ. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Dịch vụ quảng cáo. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa. Tư vấn du học. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng. Cho thuê xe ô tô. Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển. Hoạt động dạy nghề. Kinh doanh và cho thuê bất động sản. Thi công khoan phụt vữa và xử lý nền móng công trình; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

- Các ngành nghề khác trong phạm vi đăng ký kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu của Công ty là:

- Không ngừng phát triển sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ trên cơ sở phát huy tối đa mọi nguồn lực (về vốn, lao động, đất đai, công nghệ) của Công ty, nhằm thu được lợi nhuận và hiệu quả kinh tế cao nhất.

- Tích cực tích lũy và thu hút mọi nguồn vốn để phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh ngày càng lớn mạnh hơn.

- Cải thiện điều kiện làm việc, tổ chức sản xuất hợp lý, tích cực đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân để có năng suất cao và chất lượng tốt, sản phẩm của công ty có uy tín trên thị trường trong và ngoài nước.

- Nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty. Bảo đảm lợi ích cho cổ đông.

- Hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với Ngân sách nhà nước và góp phần phát triển đất nước.

3. Nếu bất kỳ lĩnh vực kinh doanh hoặc mục tiêu nào nêu trên cần phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Công ty sẽ thực hiện lĩnh vực kinh doanh hoặc mục tiêu đó sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được Pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập

1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là **39.750.000.000** đồng (**Ba mươi chín tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng**). Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành **3.975.000** cổ phần (**Ba triệu chín trăm bảy mươi lăm cổ phần**) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười ngàn đồng).
2. Công ty chỉ có thể tăng Vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật.
3. Vào ngày thông qua Điều lệ này, tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.
5. Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.
6. “Cổ đông sáng lập” là Cổ đông/nhóm cổ đông tham gia thông qua Điều lệ lần đầu của Công ty. Cổ đông sáng lập có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tên, địa chỉ và số lượng cổ phần của các Cổ đông sáng lập được nêu tại Phụ lục đính kèm. Phụ lục là một phần của Điều lệ này.
7. Sau khi đăng ký kinh doanh, mọi cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành, tùy theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, sẽ được (i) ưu tiên chào bán cho các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty, và/hoặc (ii) chào bán cho các nhà đầu tư bên ngoài Công ty. Trong trường hợp chào bán cho các Cổ đông theo quy định tại đoạn (i), Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi một (21) ngày), để Cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được Cổ đông đặt mua sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ

đồng, trừ khi các Cổ đông chấp thuận khác đi hoặc trong trường hợp Cổ phần được bán qua Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

8. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần hoàn lại) theo những cách thức phù hợp với các quy định tại Điều lệ này, quy định trong Luật Doanh nghiệp và Pháp luật có liên quan. Theo quy định của Điều lệ này, cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể chào bán theo hình thức phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm nếu không nằm trong các trường hợp được quy định tại khoản 2, điều 88 của Luật Doanh nghiệp và khi có phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Sổ chứng nhận Cổ đông

1. Mọi Cổ đông đều có quyền được cấp một Sổ chứng nhận Cổ đông. Mọi Sổ chứng nhận Cổ đông có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Pháp luật và trừ khi Pháp luật có quy định khác đi, phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty. Sổ chứng nhận này có giá trị để xác nhận và theo dõi các Cổ đông của Công ty.

2. Mọi sự chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng và các giao dịch khác liên quan đến cổ phần và việc sở hữu cổ phần phải thông qua thủ tục chuyển nhượng tại Công ty và phải được đại diện theo Pháp luật của Công ty hoặc đại diện được ủy quyền của người đó xác nhận. Những thay đổi đó cũng sẽ được ghi nhận tương ứng tại Sổ chứng nhận Cổ đông.

3. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký Cổ đông sở hữu cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một Sổ chứng nhận Cổ đông trong vòng hai (2) tháng sau khi mua, nhận chuyển nhượng hợp lệ hoặc có quyền sở hữu cổ phần dưới hình thức khác phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ này trừ trường hợp điều khoản phát hành quy định khác đi.

4. Nếu Sổ chứng nhận Cổ đông bị hỏng hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì Cổ đông phải báo ngay cho Công ty bằng văn bản. Công ty sẽ xem xét cấp lại Sổ chứng nhận Cổ đông mới ghi nhận số cổ phần tương ứng cho người sở hữu theo yêu cầu của người đó với điều kiện Cổ đông đó phải xuất trình giấy tờ chứng minh hợp lệ và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

5. Cho dù có quy định tại khoản 4 trên đây, Cổ đông phải gìn giữ Sổ chứng nhận Cổ đông cẩn thận, không làm rách nát, hư hỏng, nhòe, mờ và có trách nhiệm độc lập về việc bảo quản Sổ chứng nhận Cổ đông và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong

mọi trường hợp những Sổ chứng nhận Cổ đông này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

6. Công ty, tại từng thời điểm có thể thay đổi hình thức ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của Cổ đông phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 7. Sổ đăng ký Cổ đông

1. Công ty sẽ lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu cổ phần của mỗi Cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chính sau :

- a. Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
- e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;
- f. Các chi tiết khác do Hội đồng quản trị quy định tại từng thời kỳ.

2. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ, bảo quản và sử dụng tại trụ sở của Công ty hoặc tại một địa điểm khác hoặc một tổ chức khác do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc một tổ chức khác do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

4. Chậm nhất là năm (5) ngày sau khi Công ty (i) được thanh toán đầy đủ cho các cổ phần mà Công ty phát hành hoặc (ii) nhận được thông báo và giấy tờ hợp lệ chứng minh việc chuyển nhượng, các chi tiết liên quan đến Cổ đông hoặc người nhận chuyển nhượng sẽ được ghi chép vào trong Sổ đăng ký Cổ đông.

5. Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của mình. Trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin sẽ được gửi cho Cổ đông theo địa chỉ mới nhất lưu trong Sổ đăng ký Cổ đông.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
2. Việc chuyển nhượng cổ phiếu của các thành viên HĐQT và thành viên BKS tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

Cổ phiếu của người lao động nghèo được mua với giá ưu đãi và trả chậm theo **NĐ 64/2002/NĐ-CP** chỉ được chuyển nhượng sau khi đã trả hết tiền nợ mua cổ phần.

3. Trong vòng ba (3) năm kể từ Ngày Thành lập, các Cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu ít nhất hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần phổ thông có thể chuyển nhượng. Cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày Ngày Thành lập, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.
4. Trừ khi Pháp luật có quy định khác, các chứng khoán ghi danh có thể được chuyển nhượng bằng văn bản được ký hợp lệ bởi bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng theo cách thông thường hoặc theo bất kỳ cách nào khác mà Hội đồng quản trị có thể chấp nhận kể cả hình thức trao tay. Cổ phiếu đã niêm yết phải được chuyển nhượng thông qua Trung tâm Giao dịch Chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Trung tâm Giao dịch chứng khoán. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển được ghi vào Sổ đăng ký Cổ đông. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
5. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó sở hữu.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng Giám đốc;
- d. Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền hạn của Cổ đông Công ty

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, 3 điều 8 của Điều lệ này;
- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định bán cổ phần cho các nhà đầu tư bên ngoài;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, nhận được một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
- g. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong khoản 1, Điều 90 của Luật Doanh nghiệp; và

- h. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên, có các quyền sau:
- a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại các khoản 4, Điều 19 và khoản 4, Điều 30 tương ứng;
 - b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp qui định tại khoản 3, điều 79 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan). Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
 - c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và
 - e. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Cổ đông là tổ chức pháp nhân có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của công đồng;
- b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký công đồng tại Công ty;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;
- d. Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
- e. Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
- f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của công đồng.

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

5. Quyền và nghĩa vụ của các Công đồng sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ do Đại hội đồng công đồng quyết định tại từng thời kỳ phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 11. Nghĩa vụ của các Công đồng

Các Công đồng có các nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có công đồng rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ công ty.

3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng công đồng, Hội đồng quản trị.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Công đồng phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;

- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần.

2. Thành phần, số lượng cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị quy định. Các cổ đông không có đủ số cổ phần quy định có quyền kết hợp lại với nhau cho đủ, sau đó ủy quyền cho 01 đại diện đi dự Đại hội. Việc ủy quyền này phải thực hiện bằng văn bản và có chữ ký của cổ đông ủy quyền.

3. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (4) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (6) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Pháp luật và Điều lệ này quy định. Đặc biệt các Cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội đồng cổ đông để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Kiểm toán viên độc lập của Công ty thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy Vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên của Pháp luật quy định hoặc giảm quá một phần ba so với số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, điều 10 của Điều lệ này;

- e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- f. Các trường hợp khác mà Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty và thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

6. Cách thức triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại điểm d hoặc điểm e khoản 5 trên đây.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp theo quy định tại điểm a, khoản 5 của điều 12 này, thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo quy định tại điểm b, khoản 5 của điều 12 này, những Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm d, khoản 5 của điều 12 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- d. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại các điểm a, điểm b, điểm c khoản 5 của Điều 12 này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;
- d. Định hướng phát triển ngắn và dài hạn và kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm của Công ty;
- f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong giới hạn mà Pháp luật và Điều lệ này cho phép;
- d. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- e. Phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- h. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông sáng lập trong vòng ba (3) năm đầu tiên kể từ Ngày Thành lập theo quy định của pháp luật;
- j. Sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty;
- k. Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) công ty và chỉ định người thanh lý;
- l. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của công ty;
- m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các chi nhánh của Công ty;

- n. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - o. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - p. **Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;**
 - q. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1, Điều 120 của Luật Doanh nghiệp với giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất; và các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty; Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý; và
 - r. Kết quả định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ và các tài sản khác phù hợp với quy định của Pháp luật.
3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:
- a. Các hợp đồng quy định tại khoản 2, Điều 13 của Điều lệ này nếu Cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
 - b. Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của bất kỳ Người liên quan nào của Cổ đông đó.
4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 14. Các đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức pháp nhân trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một cổ đông khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức pháp nhân không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 4, Điều 10 của Điều lệ này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, đóng dấu của tổ chức và người được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền (bản gốc) trước khi vào phòng họp.

3. Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác đi, lá phiếu bầu của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã:

- a. Chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; hoặc
- c. Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Tuy nhiên, điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 giờ trước cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền

1. Với sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông như được quy định tại khoản 2, Điều 13 của Điều lệ này, khi Vốn điều lệ của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì theo Luật Doanh nghiệp, các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ với sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết của các cổ phần đã phát hành của loại đó hoặc với nghị quyết được thông qua bởi những người nắm giữ ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết của tất cả các Cổ đông có mặt tại một cuộc họp của riêng những người sở hữu loại cổ phần đó.

2. Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp như vậy ít nhất là hai Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) sở hữu ít nhất một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành (nhưng tại cuộc họp không có đủ số đại

biểu như trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và bất kỳ một người nào sở hữu cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu). Cũng tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, bất kỳ người sở hữu cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện theo các quy định phù hợp tại Điều 17 và 18 ngoại trừ các quy định về tỷ lệ biểu quyết và số người tham dự tối thiểu quy định tại khoản 1 và 2 nêu trên.

Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c, khoản 5, điều 12 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a. Chuẩn bị một danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp và các tài liệu phù hợp với Pháp luật và các quy định của Công ty;
- b. Xác định thời gian và địa điểm tiến hành đại hội; và
- c. Thông báo cho tất cả các Cổ đông về Đại hội và gửi thông báo Đại hội cho họ.

3. Thông báo về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định với từng vấn đề trong chương trình họp.

Thông báo về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông; hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Nếu Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể sẽ được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trong trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Công ty thì thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi họ làm việc. Thông báo phải được gửi ít nhất trước mười ngày (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí

hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo về họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên Website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại khoản 3, Điều 10 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó sở hữu, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 4, Điều 16 này nếu:

- a. Kiến nghị không được gửi đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông kiến nghị không đủ điều kiện sở hữu trên mười phần trăm (10%) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên; và
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4, Điều 16 này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5, Điều 16 này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Trong phạm vi pháp luật có liên quan cho phép, nếu tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông thì những nghị quyết được Đại hội nhất trí thông qua đều là hợp lệ ngay cả khi Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung họp không được đưa vào chương trình một cách hợp lý.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

17.A) ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba

mười (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Trong Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại cần có số thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.

Khi đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong đại hội lần này bất kỳ số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ;

2. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 100 của Luật doanh nghiệp;
3. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp. Thẻ biểu quyết có ghi rõ số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó;
4. Chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
- b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố;

- c. Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu không quá ba (3) người theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
6. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
7. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
8. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
10. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp các trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành một cách hợp lệ;

Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn Đại hội. Đại hội họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

11. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 10 nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng;
12. Quyết định của chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
13. Hội đồng quản trị có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp sau khi đã xem xét kỹ lưỡng để:
 - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự đại hội (hoặc tiếp tục tham dự). Hội đồng quản trị có thể thay đổi những biện pháp này vào bất kỳ lúc nào. Các biện pháp có thể bao gồm và không hạn chế việc cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác;
14. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 13 nêu trên, khi xác định địa điểm Đại hội, Hội đồng quản trị có thể:
 - a. Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm Đại hội chính");
 - b. Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm Đại hội chính có thể đồng thời tham dự Đại hội. Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần phải đưa ra chi tiết về những biện pháp tổ chức theo điều khoản này;
15. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi Cổ đông cho dù tham dự Đại hội theo phương thức quy định tại điểm b, khoản 14 nêu trên sẽ được coi là tham gia Đại hội ở Địa điểm Đại hội chính.

17.B) THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

16. Trừ trường hợp quy định tại khoản 17, Mục 17.B này các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi từ 65% (sáu mươi năm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông;
17. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; giao dịch bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% (năm mươi

phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất phải được thông qua bởi từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông;

18. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

19. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định;

20. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua;

17.C) LẬP BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

21. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các quyết định đã được thông qua;

i. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau;

22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp;

23. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng mười (10) ngày kể từ khi những biên bản đó gửi đi thì các biên bản này được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại đại hội đó;

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp;

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 18. Phê chuẩn các nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản

1. Các nghị quyết có thể được Cổ đông đại diện cho ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại khoản 2, Điều 18.

2. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau :

- 2.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- 2.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
- 2.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- 2.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

- 2.5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty;

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- 2.6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- 2.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

3. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Số thành viên của Hội đồng quản trị là năm (5) người. Thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (5) năm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ tối đa năm (5) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Là cổ đông cá nhân (trừ trường hợp là Người đại diện phần vốn góp của tổ chức pháp nhân tại Công ty) hiện đang sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết liên tục trong thời gian 6(sáu) tháng trở lên và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
- c. Không phải là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty.

4. Thành viên của Hội đồng quản trị do các Cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng Cổ đông với điều kiện là:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đủ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên, từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

5. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 110 của Luật doanh nghiệp và khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này.
- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.
- c. Thành viên đó bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.
- d. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- e. Thành viên đó bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- f. Thành viên là đại diện của một tổ chức bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho tổ chức đó.

6. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 6 trên đây phải được thông báo trên ít nhất 2 tờ báo kinh tế chính thức được nhiều người biết đến tại Việt Nam trong vòng năm (5) ngày kể từ sau khi bổ nhiệm và trên trang Web của Công ty.

Điều 20. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm và định hướng phát triển trung hạn của Công ty;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người đại diện theo ủy quyền, người quản lý quan trọng khác theo đề nghị của Tổng Giám đốc, hoặc nếu Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó;

Tuy nhiên việc miễn nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng lao động của những người bị bãi nhiệm, nếu có;

- e. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

- f. Thực hiện các khiếu nại của Công ty về Cán bộ quản lý cũng như quyết định chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý chống lại Cán bộ quản lý đó;
 - g. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - h. Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;
 - i. Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - j. Kiến nghị mức cổ tức được trả hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - l. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm có giá trị dưới 10 % giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Việc thành lập các Công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2, Điều 108 của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quyết định, tùy từng thời điểm, việc ký kết, việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh của Công ty trừ trường hợp được quy định tại khoản 3, Điều 120 Luật Doanh nghiệp đều phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
 - d. Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty ngoài kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - e. Các giao dịch bán tài sản của Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ trên một (1) tỷ đồng đến hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của

Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất. Các tài sản mua, bán bao gồm cả các cổ phần của những công ty khác mà Công ty sở hữu và/hoặc dự định sở hữu;

- g. Việc Công ty mua lại hoặc thu hồi (kể cả mức giá mua lại hoặc thu hồi) không quá mười phần trăm (10%) cổ phần theo từng loại của Công ty; và
- h. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình được quy định tại Điều 20 này.

5. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

- a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.

Nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua. Các báo cáo và tài liệu quy định trên được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất bảy (7) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian họp lý.

6. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện và hành động nhân danh Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận trừ khi (i) vấn đề được ủy quyền thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc hoặc (ii) Pháp luật và Điều lệ có quy định khác.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

8. Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

9. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 21. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng Giám đốc Công ty.

2. Căn cứ khoản 4, Điều 2 của Điều lệ này Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt trên ba mươi ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị Công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, Báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời

không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

6. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 22. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) người quản lý khác;
- b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc
- d. Ban kiểm soát.

4. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định khoản 3, điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam.

7. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên năm (5) ngày trước khi tổ chức, với điều kiện là các thành viên Hội đồng quản trị có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

8. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Số thành viên tham dự tối thiểu: cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt.

9. Quyền biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại điểm b, khoản 9, điều 22 này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
- b. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ Người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào thành viên đó không có quyền biểu quyết. Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- c. Theo quy định tại điểm d, khoản 9, điều 22 này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và

phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

- d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1, Điều 120 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Tuyên bố lợi ích: một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này.

11. Biểu quyết: Hội đồng quản trị sẽ thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt hoặc biểu quyết thông qua văn bản. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được đựng trong phong bì dán kín và chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì cho thư ký không muộn hơn 1 tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản: nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a. Những thành viên có quyền biểu quyết và nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b. Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

15. Biên bản cuộc họp: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các quyết định đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Chủ tọa có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Các

biên bản phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

16. Những người được mời họp dự thính: Tổng giám đốc, những Cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

17. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể ủy quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng quản trị nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (i) số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (ii) nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.

18. Giá trị pháp lý của hành động: mọi hành động được thực hiện theo quyết định Hội đồng quản trị, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có những sai sót.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 23. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị.

Công ty có một Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 24. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ có một số lượng nhất định và các loại Cán bộ quản lý cần thiết hoặc thích hợp

để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời kỳ. Cán bộ quản lý phải có sự khẩn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ phải do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng của những Cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 25. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (5) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác, và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây :

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

4. Đối với công ty con của Công ty có phần vốn góp, cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 25 này, Tổng Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ.

5. Tổng Giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

6. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết và thực hiện các hợp

đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

- c. Kiến nghị về số lượng và các loại Cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn cho Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Cán bộ quản lý;
- d. Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như kế hoạch tài chính năm (5) năm để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và Pháp luật.

7. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông: Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

8. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

9. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật có liên quan.

Điều 26. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm đồng thư ký Công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký Công ty bao gồm:

1. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
2. Làm biên bản các cuộc họp;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Cung cấp thông tin cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 27. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý được ủy thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực mà theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 28. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được

hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng này chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Theo Điều 120 của Luật Doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty và một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý, hoặc những Người liên quan đến họ hoặc bất kỳ Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức nào khác mà ở đó một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý hoặc những Người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có lợi ích tài chính liên quan sẽ không bị vô hiệu hóa chỉ vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc chỉ vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc Cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc chỉ vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

- a. Đối với hợp đồng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán gần nhất của Công ty trở xuống, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; hoặc
- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) của tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán gần nhất của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó. Đồng thời Đại hội đồng cổ đông đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, một Cán bộ quản lý hay Người liên quan nào của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty (nếu có) vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 29. Trách nhiệm và bồi thường

1. **Trách nhiệm:** Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. **Bồi thường:** Công ty sẽ bồi thường cho những đối tượng quy định tại khoản 1 trên đây nếu như người đó đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi kiện của Công ty). Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí luật sư), các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và đã hành động đúng nhiệm vụ và quyền hạn phù hợp với Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty; và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 30. Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát và thành viên của Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, gồm những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

- e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
- h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát :

- a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
- c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- e. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c và d, khoản 2, Điều 30 này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.
- f. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 30 này đều thuộc sở hữu của Công ty.
- g. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; Yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

3. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

- b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
 - c. Là cổ đông cá nhân (trừ trường hợp là Người đại diện phần vốn góp của tổ chức pháp nhân tại Công ty) hiện đang sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết liên tục trong thời gian 6 (sáu) tháng trở lên.
 - d. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty.
4. Đề cử thành viên Ban kiểm soát: Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đủ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên, từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên..
5. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát :
- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
 - c. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; Có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.
 - d. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
6. Ban kiểm soát có ba (3) thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán - kiểm toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát.
7. Trưởng Ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; và
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
8. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
9. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban Kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn hai lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là hai (2) người.
11. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (5) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban Kiểm soát phải thường trú ở Việt Nam.
12. Một thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3, Điều 30 của Điều lệ này;
 - b. Có đơn xin từ chức được gửi đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn hoặc bị hạn chế năng lực hành vi;
 - d. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Thành viên là đại diện của một tổ chức bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho tổ chức đó.

Ngoài các trường hợp quy định trên, thành viên Ban Kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 31. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Mọi Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong điểm b, khoản 5 điều 19 và điểm b, khoản 4, điều 30 của Điều lệ này đều có quyền, trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi một văn bản được yêu cầu kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý có quyền kiểm tra Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Mọi Cổ đông đều có quyền được tiếp cận và đọc bản Điều lệ này tại Văn phòng Công ty. Điều lệ này phải được đưa lên Website của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN

Điều 32. Đối tượng và nội dung công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh

ng nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

- b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều 32 này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 32 này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 33. Công nhân viên và công đoàn

Tổng Giám đốc sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và Pháp luật.

CHƯƠNG XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 34. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật, cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện,



sẽ được công bố và chia trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quy định khác đi, việc thanh toán cổ tức được thực hiện một năm một lần chậm nhất vào tháng 4 hàng năm. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với số lượng cổ phần Cổ đông sở hữu trong giai đoạn chi trả cổ tức.

4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.

5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

6. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký. Ngoài những hình thức nêu trên, Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định những hình thức khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

7. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ

phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.

8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khóa sổ) làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể có cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi được nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng đến quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

9. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

10. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 35. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại (các) ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền (nếu Pháp luật yêu cầu), Công ty có thể mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.



Điều 36. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

1. Hàng năm, công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của công ty và được trích cho đến khi Quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ công ty.
2. Trích tối thiểu 15% cho quỹ đầu tư phát triển.
3. Trích tối đa 75% được chia cho các cổ đông theo cổ phần sở hữu.
4. Trích 3% quỹ khen thưởng.
5. Trích 2% lập quỹ phúc lợi tập thể.

Lợi nhuận trích từ các quỹ sẽ được hạch toán tập trung toàn công ty.

Trường hợp đã trích 75% lợi nhuận chia cho các cổ đông mà tỷ lệ cổ tức thấp hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 3 tháng áp dụng khu vực dân cư thì quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi tập thể được trích lùi đến bằng không.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm, tùy theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
7. Cổ tức một năm thanh toán một lần theo kết quả kinh doanh, sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Điều 37. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài khóa đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 trong cùng năm cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 38. Hệ thống Kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 39. Báo cáo hàng năm, sáu (6) tháng và hàng quý

1. Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của Pháp luật và báo cáo này phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 41 Điều lệ này, trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính. Báo cáo kế toán hàng năm sẽ được nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm (i) báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, (ii) bảng cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, (iii) báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và (iv) thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Trong trường hợp Pháp luật có quy định, Công ty sẽ lập các báo cáo sáu (6) tháng và hàng quý.
4. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cũng phải được gửi tới tất cả các Cổ đông và đưa lên Website của Công ty.

Điều 40. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác sẽ được công bố theo quy định của Pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 41. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông hàng năm sẽ lựa chọn một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hội đồng quản trị quyết định chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (2) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện và kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVIII. CON DẤU

Điều 42. Con dấu

1. Công ty có con dấu riêng. Con dấu của Công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty. Hình thức và nội dung của con dấu, điều kiện làm con dấu và chế độ sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của Chính phủ.

2. Con dấu là tài sản của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm quản lý sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, được sự đồng ý của cơ quan cấp dấu, Công ty có thể có con dấu thứ hai.

CHƯƠNG XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 43. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể giải thể, bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
- c. Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được gửi lên cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận là bắt buộc. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

3. Thủ tục giải thể Công ty theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

4. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể :

Kể từ khi có quyết định giải thể Công ty, nghiêm cấm Công ty, người quản lý Công ty thực hiện các hoạt động sau đây:

- a. Cất giấu, tẩu tán tài sản;
- b. Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
- c. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Công ty;
- d. Ký kết hợp đồng mới không phải là hợp đồng nhằm thực hiện giải thể Công ty;
- e. Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;
- f. Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
- g. Huy động vốn dưới mọi hình thức khác.

Điều 44. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các Cổ đông sở hữu một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể Công ty chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh Cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

Điều 45. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác đi, tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương, trợ cấp thôi việc và chi phí bảo hiểm xã hội cho công nhân viên theo quy định của Pháp luật; và
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước, các khoản vay (nếu có) và các khoản nợ khác của Công ty.

Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến điểm c trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 46. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

1.1. Một Cổ đông hay các Cổ đông với Công ty; hoặc

1.2. Một Cổ đông hay các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay Cán bộ quản lý; thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải, kể cả thông qua trung gian hoà giải theo nguyên tắc sau:

- a. Nếu tranh chấp không liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.
- b. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, các bên sẽ yêu cầu một bên thứ ba độc lập phải là luật sư hoặc tổ chức luật sư được phép hành nghề làm trung gian hoà giải.

2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng bốn (4) tuần kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan giải quyết tranh chấp có thẩm quyền để giải quyết.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại cơ quan có thẩm quyền sẽ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XXI. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 47. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật mâu thuẫn với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 48. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XXII chương 49 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010 Công ty Cổ phần Xây dựng 47 nhất trí thông qua ngày 23/05/2010 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Đại hội và thay cho Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty thông qua ngày 10/06/2005 và các Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm đã thông qua.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - 2.1. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - 2.2. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Pháp luật; và
 - 2.3. Bốn (04) bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 49. Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị và con dấu của Công ty

Nguyễn Lương Am
Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Văn Tôn
Phó Chủ tịch HĐQT

Đình Tấn Dương
Ủy viên HĐQT

Lê Văn Đồng
Ủy viên HĐQT

Phạm Văn Nho
Ủy viên HĐQT

Con dấu của Công ty

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số lượng CP sở hữu	Giá trị (1.000 Đ)	Ghi chú
1	Nhà nước		1.275.000	12.750.000	
2	Nguyễn Lương Am	Tổ 40 KV5 Ph Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	41.000	410.000	
3	Nguyễn Văn Tôn	582 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn, Bình Định	25.000	250.000	
4	Phan Tấn An	582 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn, Bình Định	25.000	250.000	
5	Lê Xuân Hỷ	12 Ngô Văn Sở, Quy Nhơn, Bình Định	25.000	250.000	
6	Lê Văn Đồng	582/3 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn, Bình Định	27.200	272.000	
7	Các cổ đông khác		1.081.800	10.818.000	

Ghi chú: Số lượng cổ phần sở hữu đã chuyển đổi theo mệnh giá 10.000 đ/cp và theo Giá trị cổ phần sở hữu của các cổ đông tại Ngày thành lập công ty.